

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-01-2021
V/v: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Hiêm.
2. Ông Hồ Văn Khang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 612/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1996; địa chỉ: Khu phố AQ, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu phố HH, phường AH thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, chị Trần Thị Ngọc H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trọng N, sau khi qua một thời gian tìm hiểu hơn một năm, thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh vào tháng 07 năm 2015. Sau khi kết hôn chị và anh N cùng nhau sinh sống bên gia đình chị được một thời gian. Đến năm 2018, chị và anh N cùng nhau về bên gia đình anh N sống được mấy tháng, thì chị về bên gia đình cha mẹ ruột chị sống

cho đến nay. Cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh N không được hạnh phúc, nguyên nhân là do chị và anh N tính tình không hợp nhau, anh N chỉ lo ăn chơi, không lo cho gia đình, không chăm sóc vợ con và anh N không có đi làm. Do đó, chị và anh N đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng với anh N không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Trong thời gian chung sống chị và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Trọng P, sinh ngày 17-5-2016, hiện nay cháu P đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trọng P, sinh ngày 17-5-2016. Không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay chị có công việc ổn định và đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Trọng N trình bày: Anh thừa nhận về thời gian chung sống vợ chồng, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung là như chị Hận trình bày là đúng. Riêng nguyên nhân phát mâu thuẫn vợ chồng, theo anh thì anh và chị H không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Nay anh yêu cầu được đoàn tụ với chị H vì còn thương vợ con. Trường hợp Tòa án cho anh và chị H ly hôn, anh đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trọng Phúc, sinh ngày 17-5-2016, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc H đối với anh Nguyễn Trọng N. Chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn anh Nguyễn Trọng N.

Về con chung: Giao chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 17-5-2016. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn, cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị H yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh N. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Nguyễn Trọng N vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Chị H và anh Nguyễn Trọng N sau khi qua một thời gian tìm hiểu hơn một năm, thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh vào tháng 07 năm 2015. Sau khi kết hôn chị H và anh N cùng nhau sinh sống bên gia đình chị H được một thời gian. Đến năm 2018, chị H và anh N cùng nhau về bên gia đình anh N sinh sống được mấy tháng, thì chị H về bên gia đình cha mẹ ruột chị H sống cho đến nay. Cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh N không được hạnh phúc, nguyên nhân là do chị H và anh N tính tình không hợp nhau, anh N chỉ lo ăn chơi, không lo cho gia đình, không chăm sóc vợ con và anh N không có đi làm. Từ đó, chị H và anh N đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng với anh N không còn, chị H yêu cầu được ly hôn với anh N.

Anh Nguyễn Trọng N yêu cầu được đoàn tụ với chị H, nhưng có đơn đề nghị vắng mặt không đến Tòa án tham gia tất cả các phiên tố tụng. Nhận thấy thiện chí hàn gắn của anh N đối với chị H không có. Mặt khác, qua xác minh tại địa phương nơi cư trú của đương sự, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân gia đình giữa chị H và anh N đã đến mức trầm trọng, chị H và anh N không thể hàn gắn đoàn tụ, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc H đối với anh Nguyễn Trọng N là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Trọng P, sinh ngày 17-5-2016, hiện cháu Phúc đang sống với chị H. Chị H có công việc ổn định và đủ khả năng nuôi con. Do đó, để tạo điều kiện, đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý cho cháu Nguyễn Trọng P, cần giao cháu P cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với các Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc H đối với anh Nguyễn Trọng N. Chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn anh Nguyễn Trọng N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 17-5-2016 cho chị Trần Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị H không yêu cầu, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị H đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014790 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho chị H được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND phường An Hòa;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Tấn Đạt